**THÔNG TIN CỦA BÊN ỦY THÁC NƯỚC NGOÀI**

***INFORMATION OF FOREIGN TRUST PARTY***

□ **Ủy thác nước ngoài là CÁ NHÂN/ *Foreign Trust is INDIVIDUAL***

Họ tên/ *Full name*:

Ngày tháng năm sinh/ *Birthday:*

Quốc tịch/ *Nationality*:

Nghề nghiệp/ *Occupation:*

Số hộ chiếu./ *Passport No.:*

Ngày cấp, nơi cấp/ *issuance date, issuance place:*

Thị thực nhập cảnh*/ Visa:*

Địa chỉ ở nước ngoài/ *Address abroad:*

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam/ *Address in Vietnam:*

□ **Ủy thác nước ngoài là TỔ CHỨC/ *Foreign Trust is CORPORATE***

Tên giao dịch đầy đủ và viết tắt/ *Company name and abbreviated name:………………………….*

Địa chỉ đặt trụ sở chính/ *Address of Head Office:*

Số điện thoại/ *Phone No.:……………………………*Số fax/ *Fax No.:………………………………...*

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh/ *Field of business activities:*

Thông tin người đại diện theo pháp luật/ *Information of legal representative*:

…………………………………………………………………………………………………....

**Thông tin về chủ sở hưởng lợi hoặc bất cứ cá nhân nào khác thực hiện việc kiểm soát thực sự đối với hợp đồng ủy thác / *Information about the beneficial owner or any other individual own real control right over the trust agreement***

Tên/ *Name*:

Địa chỉ/ *Address*:

Phần trăm (%) sở hữu/ *Rate (%) of ownership:*

**Thông tin về tài sản ủy thác/ *Information about trust assets***

Tên tài sản ủy thác/ *Name of trust assets:*

Loại tài sản ủy thác/ *Type of trust assets:*

Giá trị tài sản ủy thác/ *Value of trust assets:*

Tên cơ quan quản lý/đăng ký tài sản ủy thác/ *Name of authority where trust assets managed/ registered:*

*Định nghĩa/ Definition:*

* *Khuyến nghị 25 của FATF – Tính minh bạch và quyền sở hữu hưởng lợi của thỏa thuận pháp lý “Tất cả các quốc gia cần phải thực hiện các biện pháp đảm bảo rằng người nhận ủy thác (trustee) khai báo về tình trạng của mình cho các tổ chức tài chính khi họ với vai trò là người nhận ủy thác thiết lập mối quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện một giao dịch vãng lai nào vượt ngưỡng”/ Recommendation 25 of FATF - Transparency and beneficial ownership of legal arrangements “All countries should take measures to ensure that trustees disclose their status to financial institutions and DNFBPs when, as a trustee, forming a business relationship or carrying out an occasional transaction above the threshold.”*
* *Ủy thác nước ngoài (foreign trust) là cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện ủy thác việc quản lý và sử dụng tài sản của mình cho một cá nhân/ tổ chức khác/ Foreign trusts are foreign individuals and organizations that delegate the management and using of their assets to another individual/ organization.*
* *Người nhận ủy thác (trustee) là cá nhân/tổ chức nhận ủy thác đối với việc quản lý và sử dụng tài sản của bên ủy thác nước ngoài theo hợp đồng ủy thác/ Trustee is a person/ organization entrusted with respect to the management and using of assets of foreign trustee under trust contract.*

**KÝ TÊN/ *SIGNATURE***